

QUAN HỆ LỢI ÍCH KINH TẾ TRONG PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ THÔNG MINH: CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ HÀM Ý CHO THÀNH PHỐ BẮC NINH

NGUYỄN VIỆT HÙNG

Sở Xây dựng thành phố Bắc Ninh
Bac Ninh City Department of Construction
Email: nvhung.cpc.bn@gmail.com

Ngày nhận bài: 10/8/2026

Ngày sửa bài: 27/8/2026

Ngày duyệt đăng bài: 10/9/2026

Tóm tắt:

Phát triển đô thị thông minh không chỉ gắn với ứng dụng công nghệ mà còn làm thay đổi cách huy động, sử dụng và phân phối các nguồn lực như vốn, đất đai, dữ liệu và công nghệ. Trên cơ sở tổng hợp các nghiên cứu về đô thị thông minh, quản trị đô thị, các bên liên quan, công bằng, đất đai và dữ liệu, bài viết làm rõ quan hệ lợi ích kinh tế dưới góc độ kinh tế chính trị. Bài viết đề xuất khung phân tích gồm nguồn lực, quyền tiếp cận và kiểm soát, tạo ra giá trị, lợi ích, chi phí và rủi ro, phân phối giá trị, mâu thuẫn lợi ích và cơ chế điều chỉnh. Từ đó, bài viết rút ra hàm ý về phân phối giá trị đất đai, quản trị dữ liệu, hợp tác Nhà nước - doanh nghiệp và khả năng thụ hưởng của người dân trong phát triển đô thị thông minh ở thành phố Bắc Ninh.

Từ khóa: *quan hệ lợi ích kinh tế, phát triển đô thị thông minh, kinh tế chính trị, phân phối giá trị, thành phố Bắc Ninh.*

Economic interest relations in smart urban development: Theoretical foundation and implications for Bac Ninh City

Abstract:

Smart urban development changes not only urban management but also how capital, land, data and technology are mobilised and distributed. Drawing on studies of smart cities, governance, stakeholders, equity, land and data, this study develops a political-economy approach to economic interest relations. It proposes a framework linking resources, access and control, value creation, benefits, costs and risks, value distribution, interest conflicts and adjustment mechanisms. The framework is then used to derive implications for land-value distribution, data governance, public-private cooperation and residents' access to benefits in Bac Ninh City.

Keywords: *economic interest relations, smart urban development, political economy, value distribution, Bac Ninh City*

1. Đặt vấn đề

Phát triển đô thị thông minh đang chuyển từ cách tiếp cận thiên về công nghệ sang cách tiếp cận coi trọng thể chế, quản trị, sự tham gia của các chủ thể và khả năng thụ hưởng của người dân (Caragliu et al., 2011; Albino et al., 2015; Meijer & Rodríguez Bolívar, 2016). Điều này cho thấy, đô thị thông minh không chỉ là ứng dụng công nghệ mà còn liên quan đến cách huy động, sử dụng và phân bổ nguồn lực phát triển.

Trong quá trình đó, Nhà nước, doanh nghiệp và người dân tham gia với vị trí khác nhau. Nhà nước xây dựng thể chế, quy hoạch và đầu tư hạ tầng; doanh nghiệp cung cấp vốn, công nghệ và dịch vụ; người dân vừa thụ hưởng, vừa tạo dữ liệu và chịu tác động từ các quyết định phát triển. Vì vậy, phía sau các dự án đô thị thông minh luôn tồn tại câu hỏi về nguồn lực đóng góp, quyền khai thác, lợi ích nhận được, chi phí và rủi ro mà mỗi bên phải chịu.

Các nghiên cứu hiện có đã tiếp cận từng phần của vấn đề: quản trị đô thị thông minh nhấn mạnh phối hợp chủ thể; nghiên cứu các bên liên quan chú ý quyền lực và sự tham gia; nghiên cứu về công bằng, đất đai và dữ liệu quan tâm đến khả năng tiếp cận và phân phối giá trị (Fainstein, 2010; Smolka, 2013; OECD, 2023). Tuy nhiên, các hướng này chưa kết nối đầy đủ nguồn lực, quá trình tạo giá trị, quyền kiểm soát và sự phân chia lợi ích, chi phí, rủi ro giữa các chủ thể.

Từ góc độ kinh tế chính trị, đây là vấn đề của quan hệ lợi ích kinh tế. Bài viết hệ thống hóa các cách tiếp cận liên quan, làm rõ cơ sở hình thành và nội dung của quan hệ lợi ích kinh tế trong phát triển đô thị thông minh, đề xuất khung phân tích và rút ra hàm ý cho thành phố Bắc Ninh.

2. Cơ sở lý thuyết và phương pháp nghiên cứu

2.1. Tổng quan các cách tiếp cận nghiên cứu về đô thị thông minh và quan hệ lợi ích

Cách tiếp cận từ công nghệ đến quản trị

Những nghiên cứu ban đầu thường xem đô thị thông minh qua khả năng ứng dụng công nghệ thông tin, kết nối hạ tầng và nâng cao hiệu quả vận hành. Caragliu et al. (2011) và Albino et al. (2015) mở rộng cách hiểu này khi gắn đô thị thông minh với vốn con người, quản trị, môi trường và chất lượng sống. Angelidou (2014) và Neirotti et al. (2014) cho thấy, chiến lược đô thị thông minh còn phụ thuộc vào điều kiện kinh tế, thể chế và mục tiêu phát triển của từng đô thị. Từ đó, nghiên cứu dần chuyển sang quản trị. Meijer và Rodríguez Bolívar (2016), Jiang et al. (2022) nhấn mạnh phối hợp giữa con người, tổ chức, thể chế và công nghệ. Nhóm nghiên cứu này giúp mở rộng đô thị thông minh từ vấn đề kỹ thuật sang quá trình phát triển đa chủ thể, nhưng chưa làm rõ đầy đủ mối quan hệ giữa nguồn lực đóng góp, giá trị tạo ra và lợi ích được phân chia.

Cách tiếp cận các bên liên quan và quan hệ quyền lực

Cách tiếp cận các bên liên quan giúp nhận diện chính quyền, doanh nghiệp, người dân và các tổ chức trung gian với những mục tiêu và khả năng tác động khác nhau (Freeman, 1984). Marrone và Hammerle (2018) cho thấy, các nhóm chủ thể có cách nhìn khác nhau về đô thị thông minh; Cardullo và Kitchin (2019) lưu ý, người dân nhiều khi chủ yếu tham gia ở vai trò sử dụng hoặc phản hồi dịch vụ. Khi doanh nghiệp công nghệ tham gia sâu hơn, vấn đề quyền lực và phụ thuộc nền tảng trở nên đáng chú ý (Voorwinden, 2021). Quan và Solheim (2023) cũng cho thấy hợp tác công - tư gắn với khác biệt mục tiêu, trách nhiệm và rủi ro. Cách tiếp cận này giúp nhận diện vị trí của các chủ thể nhưng chưa giải thích đầy đủ lợi ích kinh tế được hình thành từ nguồn lực nào và phân chia ra sao.

Cách tiếp cận công bằng, đất đai và dữ liệu

Một hướng nghiên cứu khác chú ý đến phân phối thành quả phát triển. Fainstein (2010) đặt công bằng vào tiêu chí đánh giá đô thị; Haque et al. (2025) cho thấy khác biệt về thu nhập, kỹ năng và khả năng tiếp

cận có thể làm các nhóm dân cư hưởng lợi không đồng đều. Với đất đai, Smolka (2013) và Suzuki et al. (2015) chỉ ra đầu tư hạ tầng và thay đổi quy hoạch có thể làm giá trị đất tăng đáng kể, đặt ra yêu cầu thu hồi hoặc phân phối lại một phần giá trị cho cộng đồng. Với dữ liệu, Kitchin (2014), World Bank (2021) và OECD (2023) nhấn mạnh quyền truy cập, kiểm soát, khai thác và bảo vệ dữ liệu. Các hướng này làm rõ nhiều khía cạnh phân phối lợi ích nhưng vẫn tương đối tách biệt, chưa đặt đất đai, dữ liệu và công nghệ trong một khung quan hệ lợi ích thống nhất.

Từ tổng quan trên, khoảng trống chính không nằm ở việc thiếu nghiên cứu về đô thị thông minh hay lợi ích của các bên, mà ở sự thiếu vắng một khung kinh tế chính trị kết nối nguồn lực, quyền kiểm soát, tạo ra giá trị, lợi ích - chi phí - rủi ro và cơ chế điều chỉnh giữa Nhà nước, doanh nghiệp và người dân.

2.2. Cơ sở lý luận về quan hệ lợi ích kinh tế trong phát triển đô thị thông minh

2.2.1. Khái niệm và chủ thể

Lợi ích kinh tế gắn với vị trí của chủ thể trong quá trình huy động, sử dụng và phân phối nguồn lực. Khi nhiều chủ thể cùng tham gia phát triển đô thị thông minh, giữa họ hình thành các quan hệ vừa thống nhất, vừa có thể khác biệt hoặc mâu thuẫn do khả năng đóng góp, quyền tiếp cận nguồn lực, mức độ chịu chi phí và phần lợi ích nhận được không giống nhau. Trong bối cảnh này, quan hệ lợi ích có những đặc điểm riêng vì quá trình phát triển sử dụng đồng thời vốn, đất đai, kết cấu hạ tầng, dữ liệu, công nghệ và tri thức; khu vực tư nhân tham gia ngày càng sâu vào đầu tư và cung ứng dịch vụ; còn người dân vừa thụ hưởng, vừa tạo dữ liệu, đóng góp nguồn lực và chịu tác động từ các quyết định phát triển. Vì vậy, lợi ích không chỉ thể hiện ở thu nhập hay lợi nhuận mà còn gắn với quyền tiếp cận hạ tầng, dữ liệu, dịch vụ, giá trị tài sản, chi phí sử dụng và mức độ an toàn. Từ đó, có thể hiểu quan hệ lợi ích kinh tế trong phát triển đô thị thông minh là các quan hệ kinh tế hình thành giữa những chủ thể tham gia huy động, quản lý, sử dụng và thụ hưởng các nguồn lực và giá trị được tạo ra, phản ánh sự thống nhất, khác biệt và mâu thuẫn trong phân chia lợi ích, chi phí và rủi ro.

Có 3 nhóm chủ thể trung tâm là Nhà nước, doanh nghiệp và người dân. Nhà nước hướng tới hiệu quả quản lý, nguồn thu và lợi ích công; doanh nghiệp hướng tới lợi nhuận, thị trường và khả năng khai thác sản phẩm, dịch vụ; người dân quan tâm đến chất lượng sống, chi phí, giá trị tài sản và quyền tiếp cận dịch vụ. Quan hệ giữa 3 nhóm có tính phụ thuộc lẫn nhau nên cần được xem xét trong cùng một hệ thống.

2.2.2. Nguồn lực và nội dung quan hệ lợi ích

4 nhóm nguồn lực nổi bật là vốn, đất đai, dữ liệu và công nghệ. Vốn quyết định khả năng đầu tư và kéo theo cơ chế phân chia quyền, lợi ích, rủi ro. Đất đai là nguồn lực đặc biệt vì đầu tư hạ tầng, thay đổi quy hoạch và mở rộng đô thị có thể làm tăng giá trị đất, đồng thời phát sinh vấn đề bồi thường và tái định cư. Dữ liệu tạo giá trị cho quản lý và kinh doanh nhưng gắn với quyền thu thập, chia sẻ, khai thác và bảo vệ riêng tư. Công nghệ và hạ tầng số giúp vận hành dịch vụ nhưng cũng có thể tạo sự phụ thuộc vào nền tảng hoặc nhà cung cấp. Vì vậy, các nguồn lực này vừa tạo giá trị vừa định hình vị thế và quan hệ lợi ích giữa các chủ thể.

Từ đó có thể nhận diện 4 nhóm quan hệ lợi ích, đó là: (i) huy động và phân bổ nguồn lực; (ii) khai thác đất đai và phân phối giá trị gia tăng; (iii) quản lý, chia sẻ và khai thác dữ liệu; và (iv) quan hệ giữa Nhà nước và doanh nghiệp trong đầu tư, cung ứng công nghệ và dịch vụ. Các nhóm này có liên hệ chặt chẽ: đất đai có thể tạo nguồn lực tài chính; công nghệ quyết định khả năng khai thác dữ liệu; dữ liệu được tạo ra từ hạ tầng và dịch vụ; toàn bộ quá trình chịu sự điều tiết của Nhà nước.

2.2.3. Hòa hòa quan hệ lợi ích

Hài hòa lợi ích không có nghĩa là chia đều lợi ích hay loại bỏ hoàn toàn mâu thuẫn. Do vị trí, trách nhiệm và mức độ đóng góp khác nhau, sự khác biệt lợi ích giữa các chủ thể là khách quan. Quan hệ lợi

ích chỉ có thể được xem là tương đối hài hòa khi lợi ích chính đáng được thừa nhận, mức thụ hưởng có sự tương xứng nhất định với nguồn lực, trách nhiệm và rủi ro mà mỗi bên gánh chịu, đồng thời không để chi phí và rủi ro bị chuyển quá mức sang nhóm có khả năng thương lượng yếu hơn. Bên cạnh đó, các chủ thể cần có cơ hội tiếp cận thông tin, tham gia, phản ánh lợi ích và sử dụng cơ chế giải quyết mâu thuẫn khi phát sinh. Trong phát triển đô thị thông minh, Nhà nước giữ vai trò đặc biệt vì vừa là chủ thể có lợi ích, vừa thiết kế luật chơi và điều tiết quan hệ giữa các bên. Do đó, yêu cầu đặt ra là bảo đảm minh bạch, duy trì cạnh tranh, bảo vệ lợi ích công và tạo điều kiện để doanh nghiệp, người dân thực hiện lợi ích chính đáng.

2.3. Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu sử dụng phương pháp định tính kết hợp phân tích, tổng hợp tài liệu khoa học và tiếp cận kinh tế chính trị thể chế. Cụ thể:

(i) Phương pháp thu thập dữ liệu thứ cấp: Kế thừa và tổng thuật có chọn lọc các công trình nghiên cứu trong nước và quốc tế đã được công bố trên các tạp chí khoa học chuyên ngành liên quan đến đô thị thông minh, quản trị đô thị, quyền lực các bên liên quan, thu hồi giá trị đất đai và quản trị dữ liệu; cùng với các báo cáo chuyên đề của các tổ chức quốc tế (OECD, World Bank) và các văn bản quy phạm pháp luật, chính sách phát triển đô thị thông minh tại Việt Nam.

(ii) Phương pháp phân tích và xử lý thông tin: Sử dụng phương pháp phân tích - tổng hợp, trừu tượng hóa khoa học và phương pháp diễn dịch - quy nạp để bóc tách các mối quan hệ kinh tế ẩn sau các quy trình công nghệ, nhận diện vai trò, động cơ và quyền lực của 3 chủ thể cốt lõi (Nhà nước, doanh nghiệp, người dân).

(iii) Phương pháp tiếp cận tình huống điển hình: Vận dụng khung phân tích lý luận vào nghiên cứu bối cảnh cụ thể của thành phố Bắc Ninh - một đô thị công nghiệp phát triển nhanh của vùng Thủ đô đang trong quá trình chuyển đổi số và xây dựng đô thị thông minh, qua đó làm rõ tính thời sự, tính đặc thù và đề xuất các hàm ý chính sách sát hợp với thực tiễn địa phương.

3. Kết quả và thảo luận kết quả nghiên cứu

3.1. Khung phân tích quan hệ lợi ích kinh tế trong phát triển đô thị thông minh

Từ các cách tiếp cận đã phân tích, quan hệ lợi ích kinh tế trong phát triển đô thị thông minh có thể được xem xét theo chuỗi: nguồn lực → quyền tiếp cận và kiểm soát → tạo ra giá trị → lợi ích, chi phí và rủi ro → phân phối giá trị → sự thống nhất, bất cân xứng và mâu thuẫn lợi ích → cơ chế điều chỉnh → mức độ hài hòa.

Điểm xuất phát của khung phân tích là các nguồn lực phục vụ phát triển đô thị thông minh như vốn đầu tư, đất đai, hạ tầng đô thị, dữ liệu và công nghệ. Nhà nước, doanh nghiệp và người dân nắm giữ hoặc đóng góp các nguồn lực khác nhau, từ đó có mức độ tiếp cận và khả năng kiểm soát khác nhau. Trong đó, Nhà nước có vai trò nổi bật đối với quy hoạch, đất đai, tài sản công và dữ liệu công; doanh nghiệp có thế mạnh về vốn, công nghệ và nền tảng; người dân vừa sử dụng dịch vụ, vừa tạo ra dữ liệu và chịu tác động trực tiếp từ quá trình phát triển đô thị.

Từ các nguồn lực này, giá trị mới được tạo ra dưới nhiều hình thức: hạ tầng có thể làm tăng giá trị đất; dữ liệu giúp giảm chi phí quản lý và tạo dịch vụ mới; công nghệ nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn lực và chất lượng dịch vụ. Vấn đề trọng tâm của quan hệ lợi ích kinh tế là cách các giá trị đó được phân chia giữa các chủ thể, đồng thời xem xét ai phải chịu chi phí và rủi ro trong quá trình tạo ra giá trị.

Sự phân chia lợi ích có thể tạo ra sự thống nhất khi các chủ thể đều có động lực tham gia, nhưng cũng có thể dẫn đến bất cân xứng hoặc mâu thuẫn khi quyền kiểm soát nguồn lực và phần giá trị nhận được chênh lệch lớn. Những vấn đề này có thể xuất hiện trong phân phối giá trị gia tăng từ đất đai, quyền quản

lý và khai thác dữ liệu, lựa chọn doanh nghiệp công nghệ hoặc khả năng tiếp cận dịch vụ thông minh của các nhóm dân cư.

Do đó, cơ chế điều chỉnh cần bao gồm các quy định về quy hoạch, đất đai, dữ liệu, hợp tác Nhà nước - doanh nghiệp, giá dịch vụ, tham vấn và giám sát. Mức độ hài hòa của quan hệ lợi ích có thể xem xét qua sự tương xứng giữa đóng góp và thụ hưởng, cách phân chia chi phí và rủi ro, khả năng tiếp cận dịch vụ và mức độ tham gia của các chủ thể.

Theo khung này, phát triển đô thị thông minh không chỉ được đánh giá bằng mức độ ứng dụng công nghệ mà còn bằng khả năng chuyển các nguồn lực và công nghệ thành giá trị được phân phối tương đối hợp lý giữa Nhà nước, doanh nghiệp và người dân.

3.2. Hàm ý đối với bảo đảm hài hòa quan hệ lợi ích kinh tế trong phát triển đô thị thông minh ở thành phố Bắc Ninh

Bắc Ninh đang thúc đẩy phát triển đô thị thông minh gắn với hạ tầng số, dữ liệu và sự tham gia của doanh nghiệp công nghệ. Từ khung phân tích trên, có thể rút ra 4 hàm ý chính đối với thành phố:

Thứ nhất, cần chú ý phân phối hợp lý giá trị gia tăng từ đất đai và phát triển đô thị. Giá trị đất tăng không chỉ do hoạt động của nhà đầu tư mà còn từ quy hoạch, đầu tư công, hạ tầng và sự chuyển đổi mục đích sử dụng đất. Vì vậy, cần xem xét đồng thời lợi ích của Nhà nước, doanh nghiệp và người dân, đặc biệt trong các trường hợp thu hồi đất. Bồi thường đúng quy định là điều kiện cần nhưng chưa đủ; chính sách còn phải quan tâm đến ổn định sinh kế, chất lượng tái định cư và khả năng tiếp cận hạ tầng mới. Đồng thời, cần có cơ chế để một phần giá trị gia tăng từ phát triển đô thị được thu hồi cho ngân sách và quay trở lại phục vụ cộng đồng, qua đó tăng mức độ tương xứng giữa đóng góp và thụ hưởng.

Thứ hai, cần làm rõ quyền và trách nhiệm đối với dữ liệu đô thị. Dữ liệu vừa phục vụ quản lý nhà nước, vừa có thể tạo giá trị cho doanh nghiệp và người dân. Vì vậy, cần phân định rõ quyền quản lý, truy cập, chia sẻ và khai thác dữ liệu; việc doanh nghiệp tham gia xây dựng hoặc vận hành nền tảng không nên đồng nghĩa với quyền kiểm soát mặc nhiên đối với dữ liệu công. Cơ chế khai thác dữ liệu cần gắn với lợi ích công, bảo vệ dữ liệu cá nhân, trách nhiệm giải trình và khả năng chia sẻ giá trị được tạo ra. Đồng thời, thành phố cần hạn chế phụ thuộc vào nền tảng khép kín, bảo đảm khả năng kết nối và chuyển đổi giữa các nhà cung cấp.

Thứ ba, hợp tác giữa Nhà nước và doanh nghiệp công nghệ cần bảo đảm cạnh tranh, minh bạch và lợi ích công. Cần xác định rõ phần đóng góp, quyền sở hữu sản phẩm và dữ liệu, phân chia rủi ro, khả năng chuyển đổi nhà cung cấp và chi phí trong toàn bộ thời gian sử dụng công nghệ, thay vì chỉ nhìn vào chi phí đầu tư ban đầu. Bắc Ninh có thể tận dụng nguồn lực và tri thức từ doanh nghiệp để rút ngắn thời gian triển khai, nhưng đồng thời phải tránh tình trạng một nền tảng kỹ thuật hoặc một nhà cung cấp trở thành điểm phụ thuộc lâu dài. Vì vậy, tiêu chuẩn mở, khả năng tương tác, quyền tiếp quản dữ liệu khi hợp đồng kết thúc và cơ chế thẩm định độc lập cần được xem là những điều kiện của hợp tác, không chỉ là yêu cầu kỹ thuật đơn thuần.

Thứ tư, khả năng thụ hưởng của người dân cần trở thành tiêu chuẩn đánh giá quan trọng. Hiệu quả đô thị thông minh không chỉ thể hiện ở số lượng nền tảng hay cơ sở dữ liệu mà ở khả năng giảm chi phí, tiết kiệm thời gian, cải thiện dịch vụ và chất lượng sống. Cần đặc biệt chú ý người có đất bị thu hồi, lao động nhập cư, nhóm thu nhập thấp, người cao tuổi và người hạn chế kỹ năng số. Nếu các nhóm này khó tiếp cận dịch vụ hoặc phải chịu phần lớn chi phí, quan hệ lợi ích vẫn có thể thiếu hài hòa. Vì vậy, Bắc Ninh cần gắn lựa chọn dự án và đánh giá hiệu quả đầu tư với khả năng thụ hưởng thực tế, đồng thời mở rộng cơ chế tiếp cận thông tin, phản hồi và tham gia của người dân đối với những quyết định ảnh hưởng trực tiếp đến quyền lợi của họ.

4. Kết luận

Phát triển đô thị thông minh là quá trình huy động và phân phối nhiều loại nguồn lực chứ không chỉ là ứng dụng công nghệ. Từ tổng hợp các nghiên cứu về quản trị, các bên liên quan, công bằng, đất đai và dữ liệu, bài viết đề xuất khung phân tích theo chuỗi: nguồn lực → quyền tiếp cận và kiểm soát → tạo ra giá trị → lợi ích, chi phí và rủi ro → phân phối giá trị → mâu thuẫn lợi ích → cơ chế điều chỉnh → mức độ hài hòa. Khung này giúp làm rõ bản chất kinh tế của phát triển đô thị thông minh. Đối với Bắc Ninh, các hàm ý chính là phân phối hợp lý giá trị gia tăng từ đất, làm rõ quyền đối với dữ liệu, bảo đảm lợi ích công trong hợp tác với doanh nghiệp công nghệ và nâng cao khả năng thụ hưởng của người dân ■

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

- Albino, V., Berardi, U., & Dangelico, R. M. (2015). Smart cities: Definitions, dimensions, performance, and initiatives. *Journal of Urban Technology*, 22(1), 3-21. <https://doi.org/10.1080/10630732.2014.942092>
- Angelidou, M. (2014). Smart city policies: A spatial approach. *Cities*, 41, S3-S11. <https://doi.org/10.1016/j.cities.2014.06.007>
- Cardullo, P., & Kitchin, R. (2019). Being a 'citizen' in the smart city: Up and down the scaffold of smart citizen participation in Dublin, Ireland. *GeoJournal*, 84(1), 1-13. <https://doi.org/10.1007/s10708-018-9845-8>
- Caragliu, A., Del Bo, C., & Nijkamp, P. (2011). Smart cities in Europe. *Journal of Urban Technology*, 18(2), 65-82. <https://doi.org/10.1080/10630732.2011.601117>
- Fainstein, S. S. (2010). *The just city*. Cornell University Press.
- Freeman, R. E. (1984). *Strategic management: A stakeholder approach*. Pitman.
- Haque, M. N., Beckers, D., Costales, E., Aad, S., Sharifi, A., & Mora, L. (2025). A systematic review of research on just, equitable, responsible, and inclusive smart cities. *Technology in Society*, 83, 103050. <https://doi.org/10.1016/j.techsoc.2025.103050>
- Jiang, H., Geertman, S., & Witte, P. (2022). Smart urban governance: An alternative to technocratic 'smartness'. *GeoJournal*, 87, 1639-1655. <https://doi.org/10.1007/s10708-020-10326-w>
- Kitchin, R. (2014). The real-time city? Big data and smart urbanism. *GeoJournal*, 79, 1-14. <https://doi.org/10.1007/s10708-013-9516-8>
- Marrone, M., & Hammerle, M. (2018). Smart cities: A review and analysis of stakeholders' literature. *Business & Information Systems Engineering*, 60(3), 197-213. <https://doi.org/10.1007/s12599-018-0535-3>
- Meijer, A., & Rodríguez Bolívar, M. P. (2016). Governing the smart city: A review of the literature on smart urban governance. *International Review of Administrative Sciences*, 82(2), 392-408. <https://doi.org/10.1177/0020852314564308>
- Neirotti, P., De Marco, A., Cagliano, A. C., Mangano, G., & Scorrano, F. (2014). Current trends in smart city initiatives: Some stylised facts. *Cities*, 38, 25-36. <https://doi.org/10.1016/j.cities.2013.12.010>
- OECD. (2023). *Smart city data governance: Challenges and the way forward*. OECD Publishing. <https://doi.org/10.1787/e57ce301-en>
- Quan, X., & Solheim, M. C. W. (2023). Public-private partnerships in smart cities: A critical survey and research agenda. *City, Culture and Society*, 32, 100491. <https://doi.org/10.1016/j.ccs.2022.100491>
- Voorwinden, A. (2021). The privatised city: Technology and public-private partnerships in the smart city. *Law, Innovation and Technology*, 13(2), 439-463. <https://doi.org/10.1080/17579961.2021.1977213>
- World Bank. (2021). *World development report 2021: Data for better lives*. World Bank.